CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn MPT

Ngày 30/06/2025	700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**16.7%**	**16.7%**

DT thuần
Q2/25
0
tỷ VNĐ

LN thuần
Q2/25
-0.09
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.04| 31.7%

LN sau thuế
Q2/25
-0.16
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.02| 10.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25

ROE (TTM)
Q2/25
-10.0%
YoY: +/-▼ 0.0%

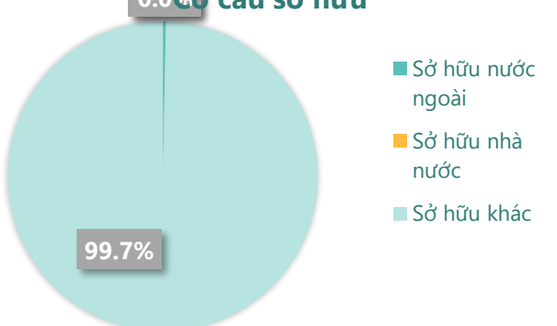
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	500 - 800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	12
Số lượng CPLH (CP)	17,107,164
KLGD BQ 20 phiên (CP)	27,515
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.07
EPS	-1,024
P/E	-0.7

DT thuần
6T 2025
0
tỷ VNĐ

LN thuần
6T 2025
-0.18
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.03| 15.1%

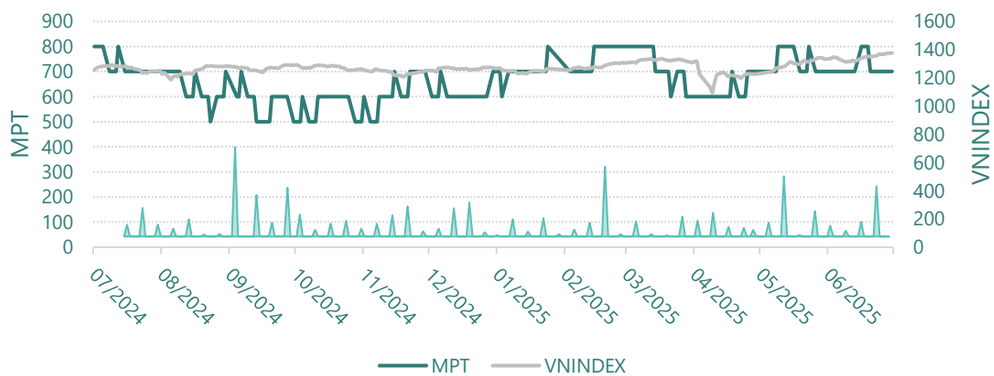
LN sau thuế
6T 2025
-0.34
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.07| -24.8%

Cơ cấu sở hữu

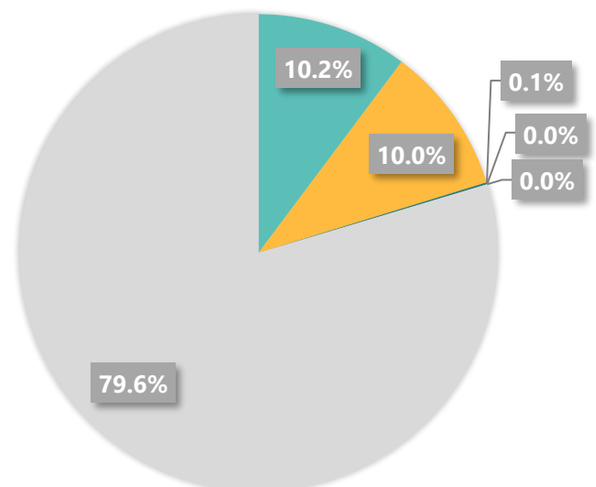


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



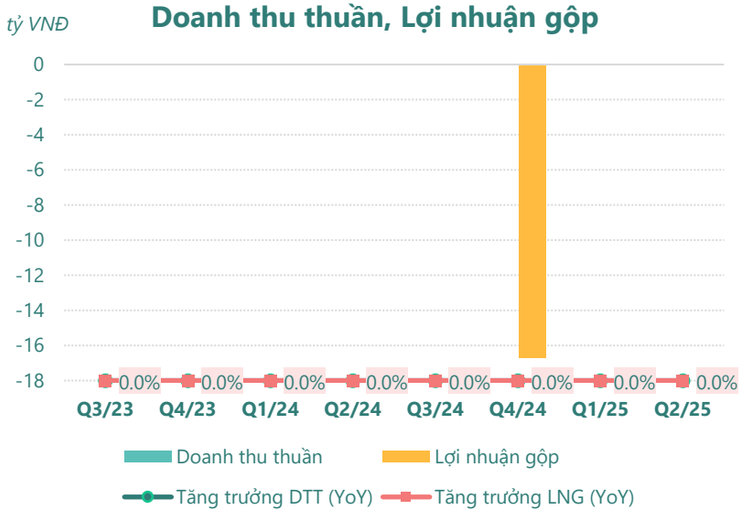
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

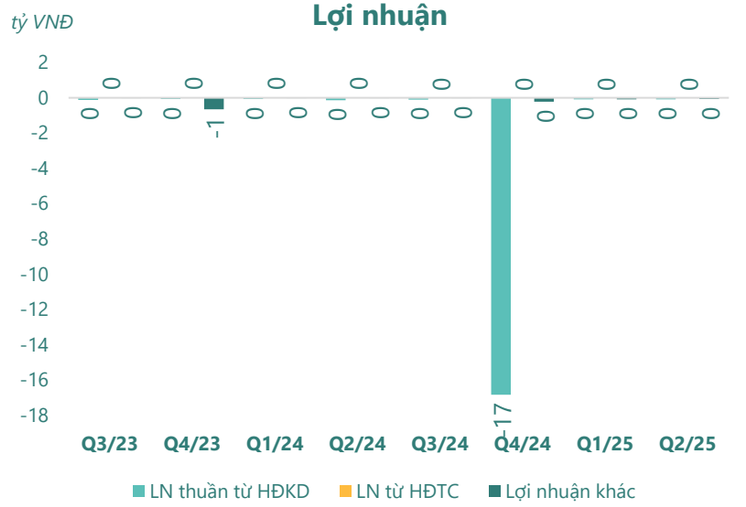
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



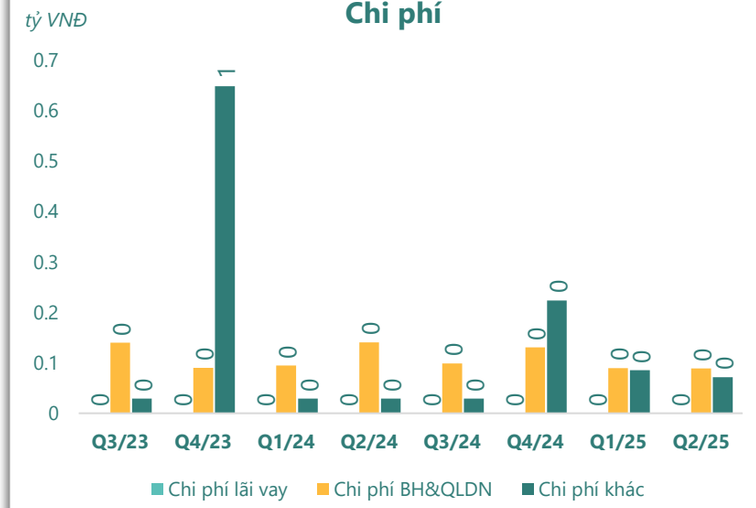
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



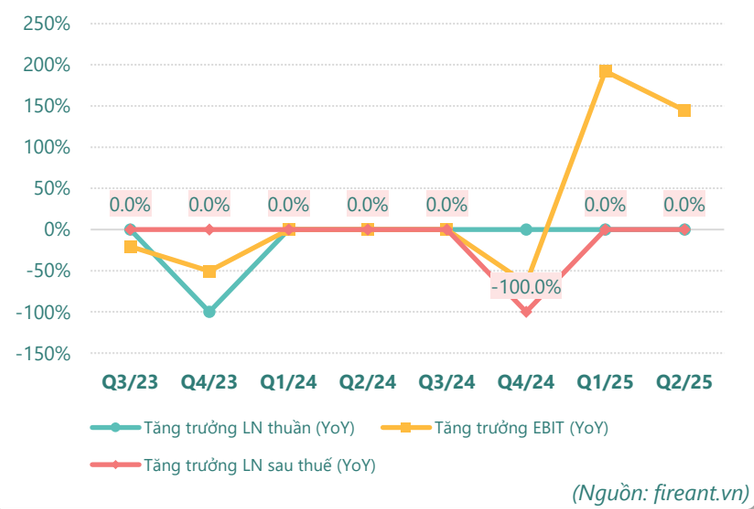
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



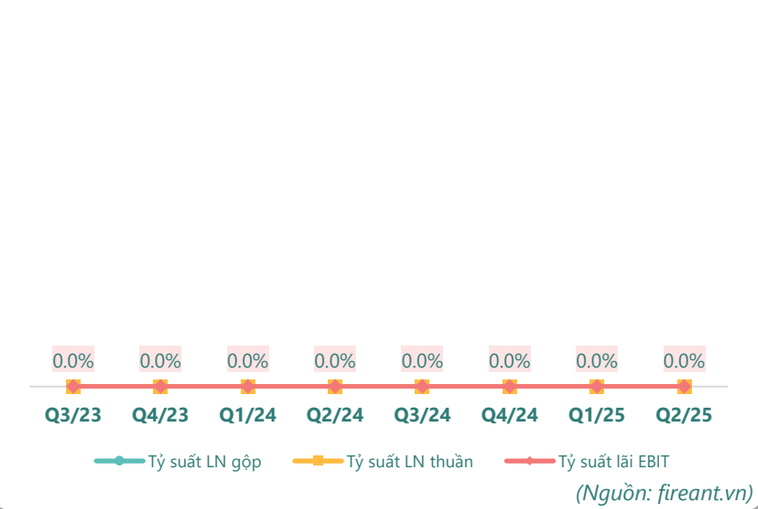
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



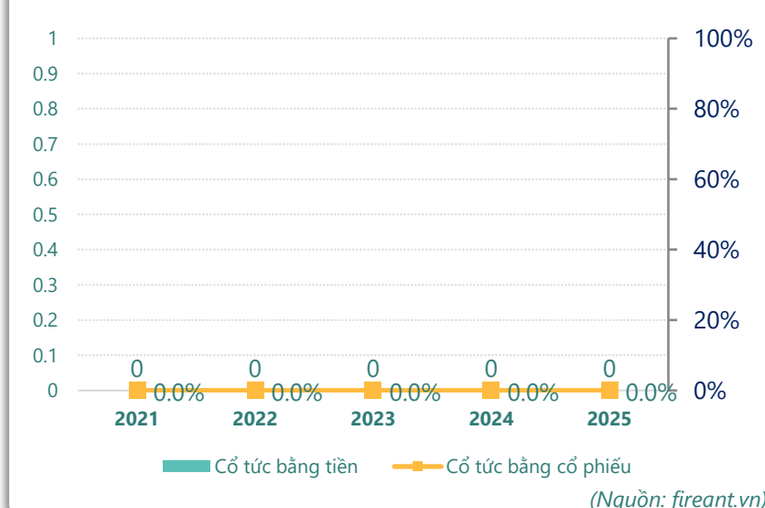
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



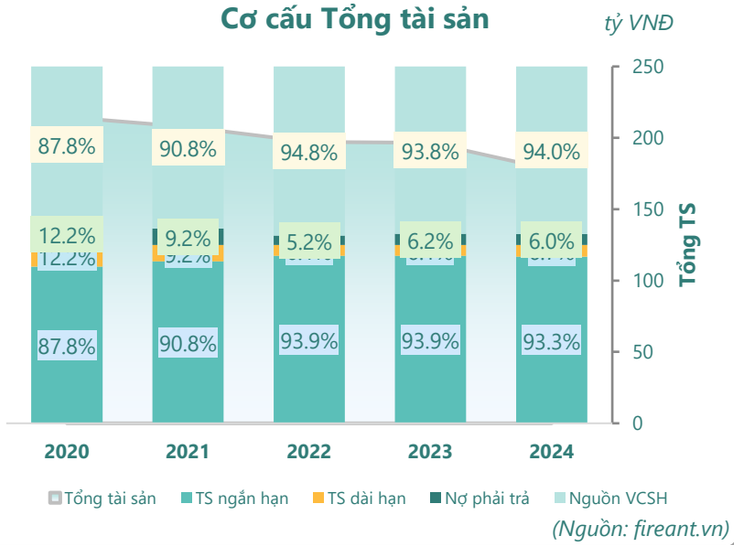
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

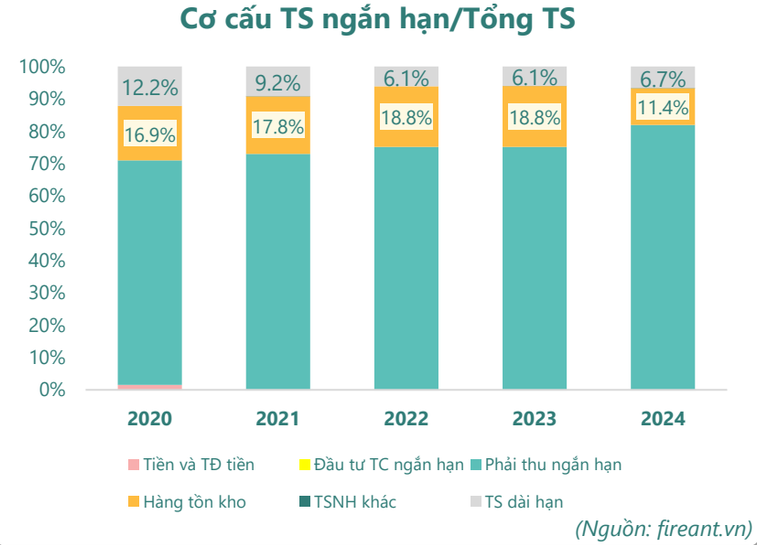


(Nguồn: fireant.vn)

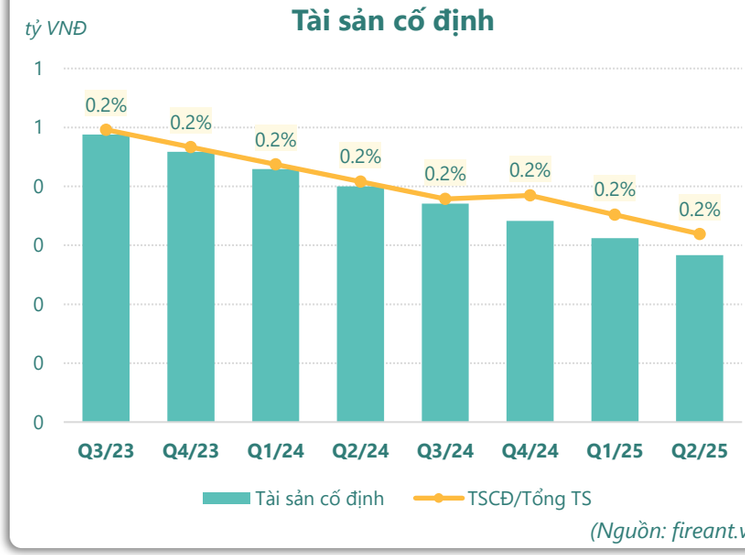
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



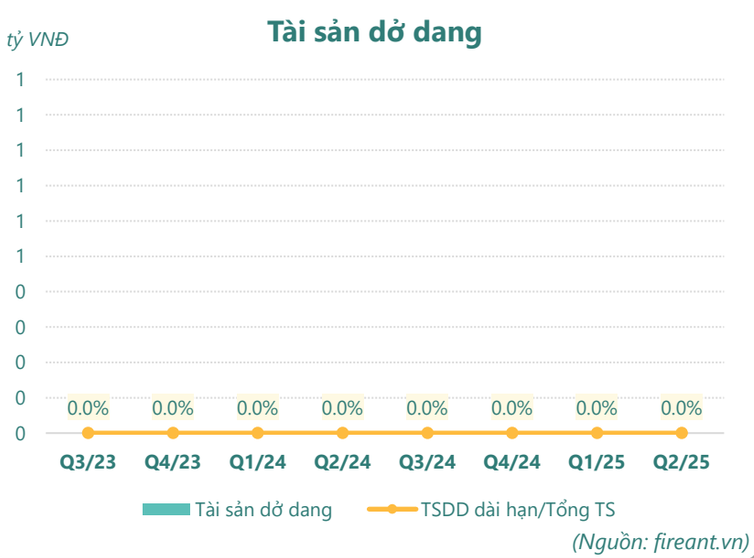
(Nguồn: fireant.vn)



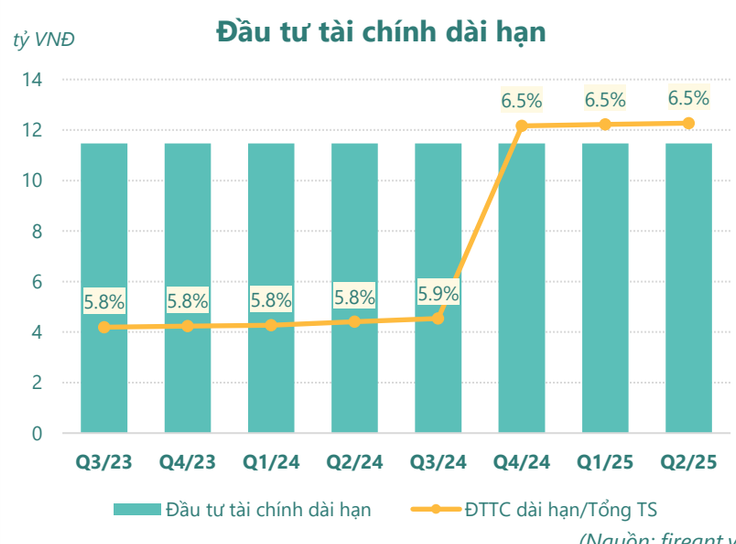
(Nguồn: fireant.vn)



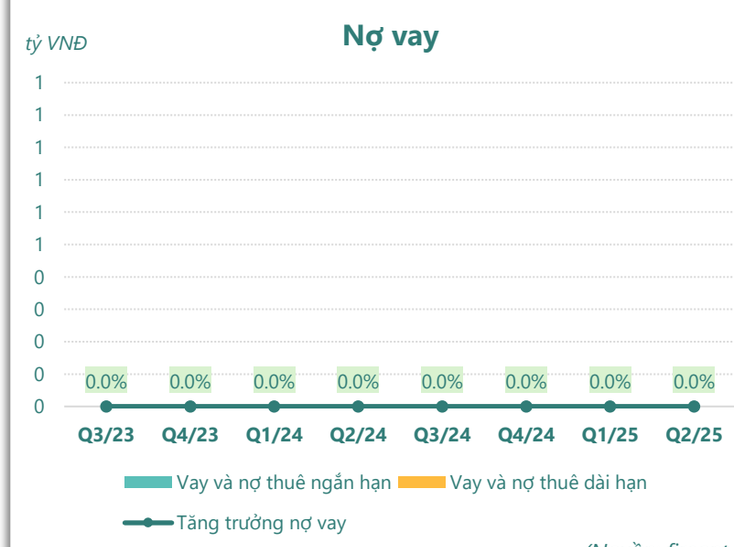
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



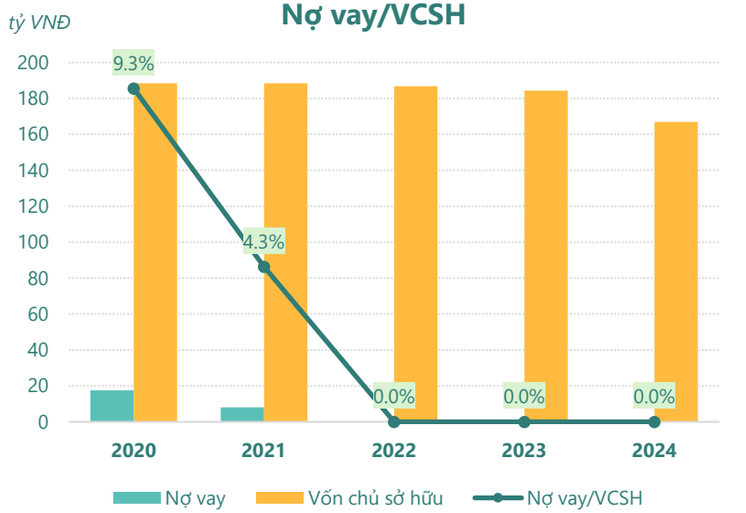
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

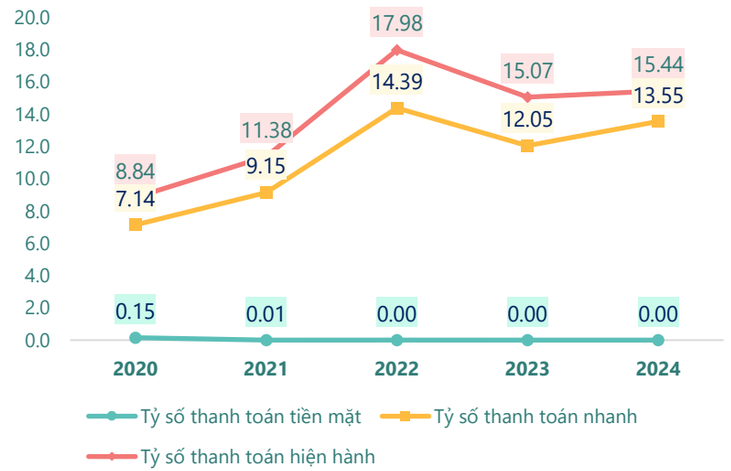
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



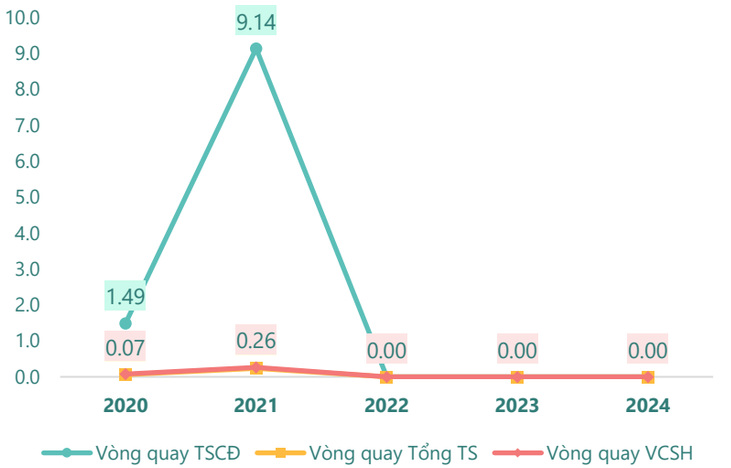
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



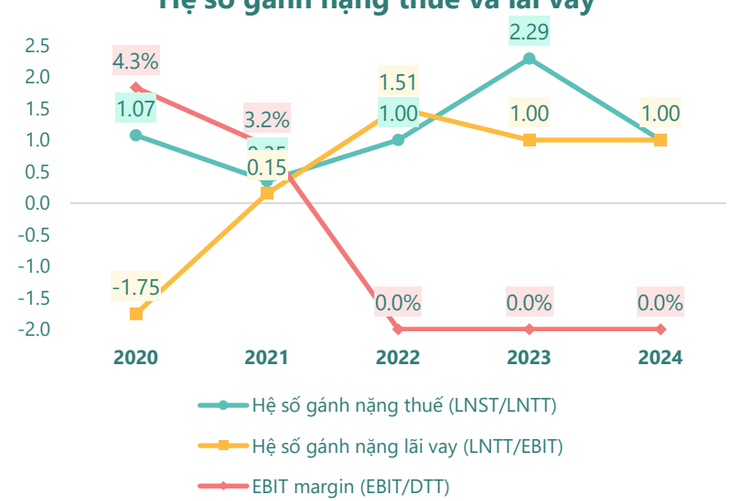
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



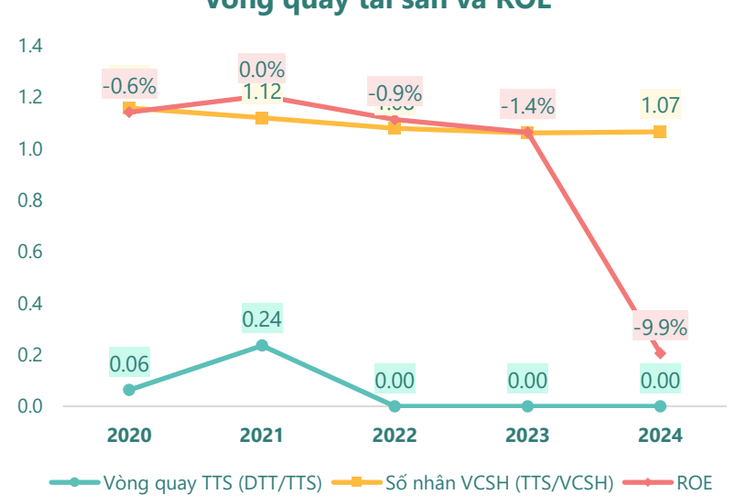
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



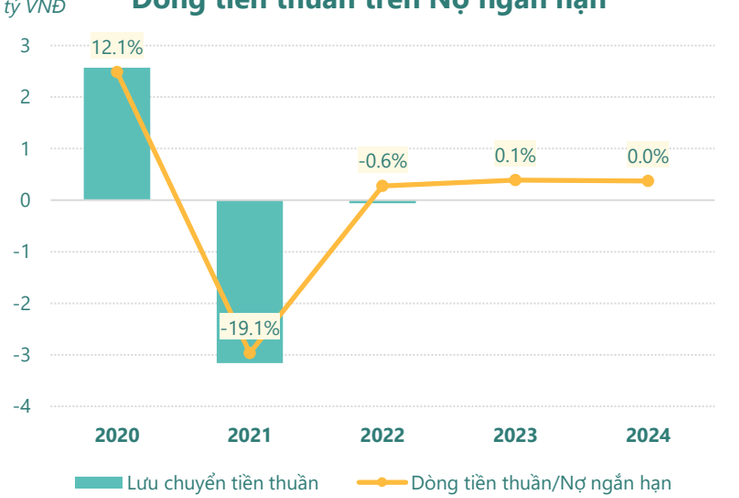
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0	0	
Lợi nhuận gộp	0	0.00		0	0	
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	-99.8%	0.00	0.02	-99.9%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.09**	**0.14**	**-36.5%**	**0.18**	**0.23**	**-24.1%**
LN thuần từ HĐKD	-0.09	-0.13	31.7%	-0.18	-0.21	15.1%
Lợi nhuận khác	**-0.07**	**-0.03**	**-138%**	**-0.16**	**-0.06**	**-168%**
LN trước thuế	-0.16	-0.16	-0.2%	-0.34	-0.27	-24.8%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.16**	**-0.16**	**-0.2%**	**-0.34**	**-0.27**	**-24.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.16**	**-0.16**	**-0.2%**	**-0.34**	**-0.27**	**-24.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.11	-0.35	-0.27	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.11	0.34	0.28	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.05	0.05	0.04	0.05	0.05	0.05
Lưu chuyển tiền thuần	**0.00**	**-0.01**	**0.01**	**0.00**	**0.00**	**0.00**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.05	0.04	0.05	0.05	0.05	0.05

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**177**	**178**	**-0.1%**
Tài sản ngắn hạn	166	166	-0.1%
Tiền và tương đương tiền	0.05	0.05	-1.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	145	145	-0.1%
Hàng tồn kho	20.3	20.3	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.02	0.02	0.1%
Tài sản dài hạn	**11.8**	**11.8**	**-0.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.28	0.34	-17.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	11.5	11.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0.01**	**-21.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	10.8	10.7	1.0%
Nợ ngắn hạn	**10.8**	**10.7**	**1.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.44	7.44	0.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**167**	**167**	**-0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**167**	**167**	**-0.2%**
Vốn điều lệ	171	171	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)